

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON ANH ĐÀO**

Chương 822

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Anh Đào công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý như sau:

ĐV tính: ngàn đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm 2025 | Ước thực hiện quý 4 năm 2025 | Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý này so với cùng kì năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      |                  |                              |                                      |                                                          |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                               |                  |                              |                                      |                                                          |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 |                  |                              |                                      |                                                          |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                          |                  |                              |                                      |                                                          |
| II    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 9.213.210        | 2.949.648                    | 32%                                  | 86%                                                      |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                  |                              |                                      |                                                          |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                              |                  |                              |                                      |                                                          |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề        | 9.213.210        | 2.949.648                    | 32%                                  | 86%                                                      |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 8.080.200        | 2.692.728                    | 33%                                  | 101%                                                     |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 1.133.010        | 256.920                      | 23%                                  | 33%                                                      |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                  |                              |                                      |                                                          |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                  |                              |                                      |                                                          |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                  |                              |                                      |                                                          |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                  |                              |                                      |                                                          |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                  |                              |                                      |                                                          |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                  |                              |                                      |                                                          |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                  |                              |                                      |                                                          |
| 11    | Chi Chương trình mục tiêu                        |                  |                              |                                      |                                                          |

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Kế toán

Nguyễn Thị Đề Ca

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Trà My

